

BM13/QT10
Lần ban hành: 01

DANH MỤC KIỂM TRA

Hạng mục/Item: **CÔNG TÁC LỢP MÁI**

INSPECTION CHECKLIST

Tiêu chuẩn nghiệm thu TCVN 5593 : 1991
(Các chi tiết khác, xin tham khảo Tiêu chuẩn tương ứng)

/ ROOFING

Công trường/Project:

Khu vực/Area:

STT No	HẠNG MỤC Item	MÃ SỐ Code	SAI SỐ Tolerance	VỊ TRÍ 1/ Location 1			VỊ TRÍ 2/ Location 2			VỊ TRÍ 3/ Location 3			VỊ TRÍ 4/ Location 4			GHI CHÚ
				K.quả	Ngày	Ký	K.quả	Ngày	Ký	K.quả	Ngày	Ký	K.quả	Ngày	Ký	
	Sai số cho phép của kết cấu mái	9.1.1														
	Các sai số cho phép khi hàn	9.1.1.1														
1	Sai số kích thước so với thiết kế															
	- Khoảng cách trục kết cấu		20													
	- Chiều cao kết cấu		10													
2	Xê dịch tấm nổi đặt tại gối tựa	9.1.1.2	10													
3	Sai lệch theo phương thẳng đứng khi đặt kết cấu	9.1.1.3	0,5 % chiều cao													
4	Bề mặt kết cấu đỡ mái	9.1.1.4														
	- Khi lợp bằng giấy dầu (thước kiểm tra 3m)															
	+ Dọc dốc		5													
	+ Ngang dốc		10													
	- Khi lợp bằng ngói, fibro (thước kiểm tra 1m)															
	+ Dọc dốc		5													
	+ Ngang dốc		5													

	Sai số cho phép khi lợp bằng fibroximăng	9.1.2														
5	Cạnh dưới tấm soi phương ngang	9.1.2.1	+/- 6													
6	Độ phủ theo chiều dài tấm	9.1.2.2	+/- 10													
7	Fibro xi măng định hình phủ lên nhau	9.1.2.3	+/- 10													
8	Sai số độ dốc quy định	9.1.2.4	5													
9	Đóng đinh hay bắt vít sai quy định	9.1.2.5	Không cho phép													
	Sai số cho phép khi lợp mái ngói máy	9.1.3														
10	Khe hở giữa hai viên ngói (ngói kênh)	9.1.3.1	Không cho phép													
11	Độ gồ ghề mặt mái (kiểm tra bằng thước 3m)	9.1.3.2														
	+ Dọc dốc		5													
	+ Ngang dốc		5													
12	Sai số độ dốc so với thiết kế	9.1.3.3														
13	Hàng litô đối cùng đóng đơn	9.1.3.4	Không cho phép													
14	Chân khay ngói không áp vào litô	9.1.3.5	Không cho phép													
15	Buộc ngói không đúng quy định	9.1.3.6	Không cho phép													
	Sai số cho phép khi thi công mái bằng	9.2														
16	Sai số độ dốc so với thiết kế	9.2.1	+/- 5													

17	Sai lệch bề mặt mái (kiểm tra bằng thước 3m)	9.2.2	5													
	Mái bằng tấm đúc sẵn đặt trên vì kèo bê tông cốt thép	9.3														
18	Chiều dày tối thiểu của lớp vữa xi măng ở mỗi hàn và phần kim loại	9.3.1	20													
19	Sai lệch cao trình gối tựa kết cấu đặt dàn vì kèo	9.3.2.1	+/- 5													
20	Sai lệch vị trí lắp đặt các cấu kiện BTCT so với thiết kế	9.3.2.2	5													
21	Sai lệch bề mặt mái (kiểm tra thước 3m)	9.3.2.3														
	+ Dọc dốc		3													
	+ Ngang dốc		10													

Ghi chú:

- Kiểm tra lần 1:

Đạt:

X

Vị trí 1:

Không đạt:

O

Vị trí 2:

- Kiểm tra lần 2:

Đạt:

⊗

Vị trí 3:

Vị trí 4:

CHT CT/ Site Manager